

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Truyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Huỳnh Văn Rô

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Bà Kiên Thị Diệu Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXX-ST ngày 17/7/2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Phạm Thị Phà C, sinh năm 1961. Địa chỉ ấp C, xã DTh, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; Có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Lê Văn Ng, sinh ngày 01/01/1963. Địa chỉ ấp C, xã DTh, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Phà C trình bày: bà và ông Lê Văn Ng tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 02 năm 1981, nhưng không có làm đám cưới (vì gia đình bà không đồng ý cho bà kết hôn với ông Ng) và cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, gia đình hạnh phúc đến năm 2010 thì cuộc sống gia đình xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, ông Ng thường xuyên uống rượu bia về kể chuyện đánh đập bà nên bà và ông Ng đã sống ly thân gần 10 năm nay. Nguyên đơn bà Phạm Thị Phà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ng. Về con chung có 05 người con gồm: Lê Văn

Ph, sinh năm 1982, Lê Văn H, sinh năm 1985, Lê Hữu L, sinh năm 1987, Lê Thị Nh, sinh năm 1990 và Lê Thị Nh1, sinh năm 1994. Các con chung đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/7/2019, bị đơn ông Lê Văn Ng trình bày: ông xác lập quan hệ vợ chồng với bà Phạm Thị Phà C vào khoảng năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn, ông với bà C có 05 con chung: Lê Văn Ph, sinh năm 1982, Lê Văn H, sinh năm 1985, Lê Hữu L, sinh năm 1987, Lê Thị Nh, sinh năm 1990 và Lê Thị Nh1, sinh năm 1994. Bị đơn ông Ng cho rằng vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm nay không đoàn tụ được, nguyên nhân do bà C hay ghen tuông; về tài sản chung ông Ng không có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; do đã lớn tuổi ông không đồng ý ly hôn với bà C và ông xin xét xử vắng mặt.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà C tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Bị đơn ông Ng chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng về sự có mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Tại thời điểm bà C, ông Ng xác lập quan hệ hôn nhân năm 1981 thì bà C trên 18 tuổi, nhưng ông Ng chưa đủ 20 tuổi. Vì vậy, hôn nhân giữa bà C với ông Ng đã vi phạm điều kiện kết hôn về “tuổi kết hôn” theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và cho đến ngày Tòa án thụ lý vụ án, giữa bà C với ông Ng vẫn chưa đăng ký kết hôn nên Hôn nhân giữa bà C với ông Ng là không hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị Phà C với ông Lê Văn Ng là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung không tranh chấp nên không xét. Về án phí buộc bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: không

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bị đơn ông Lê Văn Ng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ng.

[2] Bà Phạm Thị Phà C và ông Ng có lời khai thống nhất là xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1981 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định. “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Như vậy, pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án này là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định điều kiện về tuổi kết hôn như sau: “nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên”. Bà Phạm Thị Phà C, sinh năm 1961, tại thời điểm chung sống như vợ chồng năm 1981 thì bà C đã trên 18 tuổi là đủ điều kiện kết hôn, còn ông Ng sinh ngày 01/01/1963 thì ông Ng dưới 19 tuổi. Vì vậy, hôn nhân giữa bà C với ông Ng đã vi phạm điều kiện về tuổi kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và cho đến ngày Tòa án thụ lý vụ án này giữa bà C với ông Ng chưa đăng ký kết hôn nên Hôn nhân giữa bà C với ông Ng là không hợp pháp.

[4] Căn cứ lời khai của bà C, ông Ng và kết quả xác minh của Tòa án thì đúng là bà C với ông Ng đã sống ly thân nhiều năm và không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc ai sống ra sao thì sống nên việc bà C khởi kiện xin ly hôn là chính đáng. Tuy nhiên, do hôn nhân bà C với ông Ng không hợp pháp nên Tòa án áp dụng Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị Phà C với ông Lê Văn Ng là vợ chồng.

[5] Về con chung: Lê Văn Ph, sinh năm 1982, Lê Văn H, sinh năm 1985, Lê Hữu L, sinh năm 1987, Lê Thị Nh, sinh năm 1990 và Lê Thị Nh1, sinh năm 1994; các con chung của bà C với ông Ng đã thành niên có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 9, 11, 17 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố:

1. Không công nhận bà Phạm Thị Phà C với ông Lê Văn Ng là vợ chồng.
2. Về con chung: Lê Văn Ph, sinh năm 1982, Lê Văn H, sinh năm 1985, Lê Hữu L, sinh năm 1987, Lê Thị Nh, sinh năm 1990 và Lê Thị Nh1, sinh năm 1994 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.
4. Về nợ chung: không có.
5. Về án phí: bà Phạm Thị Phà C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002082 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn ông Lê Văn Ng không phải chịu án phí.
6. Quyền kháng cáo: bà Phạm Thị Phà C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Văn Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Dân Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Truyền**

**HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Quen- Trần Lệ Tuyết**

**Nguyễn Văn Truyền**

